

TẬP ĐOÀN CN THAN-KS VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
THAN VÀNG DANH-VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1650 /CV-TVD-VT
“Về việc báo giá vật tư”

Uông Bí, ngày 14 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Quý các Nhà cung cấp.

Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin đang có nhu cầu mua sắm một số vật tư, hàng hóa để phục vụ sản xuất (có bảng danh mục vật tư kèm theo).

Do có sự biến động về giá cả vật tư trên thị trường hiện nay, để Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin có cơ sở lập dự toán mua sắm vật tư về phục vụ sản xuất. Kính đề nghị các Nhà cung cấp có quan tâm, căn cứ vào khả năng và năng lực của mình để báo giá các vật tư theo bảng danh mục vật tư trên, có thể báo giá một số danh mục vật tư hoặc toàn bộ danh mục vật tư. Khi gửi báo giá phải có đầy đủ các nội dung theo mẫu báo giá (có mẫu báo giá kèm theo công văn).

Báo giá có thể nộp trực tiếp hoặc gửi thư bảo đảm đến địa chỉ: Văn Phòng Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin; Số 969 đường Bạch Đằng, phường Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Trường hợp nộp trực tiếp thì người nộp báo giá phải xuất trình CMND/CCCD của bản thân và giấy giới thiệu của Nhà cung cấp.

Điện thoại: 0203.3853104; Fax: 0203.3853120; Gmail: vangdanhcoal@vnn.vn

Thời hạn nộp bản báo giá: 10 giờ 00 phút, ngày 21 / 07 /2026.

Rất mong Quý Nhà cung cấp quan tâm, phối hợp.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VT, VP



GIÁM ĐỐC

Hồ Quốc

DANH MỤC VẬT TƯ CHI TIẾT VẬT TƯ BẢO GIÁ

(Kèm theo công văn số: 1.650.CV-TVD-VT ngày 14 tháng 7 năm 2026)

TT	Tên vật tư	Danh điểm/ký mã hiệu/thông số kỹ thuật	Yêu cầu khác	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
1	Lốp + Săm+ Yếm DRC	12.00-24/55D/24PR		Bộ	6	
2	Lốp + Săm+ Yếm DRC	12.00-20/53D/24PR		Bộ	26	
3	Lốp + Săm+ Yếm DRC	11.00-20/53D/20PR		Bộ	26	
4	Lốp không săm DRC	12R22.5/D912/18PR		Quả	98	
5	Lốp không săm DRC	315/80R22.5/D811/20PR		Quả	2	
6	Đá xanh	1x2 cm		m ³	65	
7	Gạch chi đỏ	2 lỗ, A1		Viên	10.000	
8	Đá xanh	2x4 cm		m ³	290	
9	Đá xanh	4x6 cm		m ³	135	
10	Máy vận bu lông cầm tay phòng nổ, mã hiệu DB580/18.5A	Trọng lượng 4,25kg; điện áp 18,5V; công suất 580W; Mô men lực 400Nm; tốc độ quay không tải 3000rpm; dung lượng pin 2000mAh; cấp phòng nổ ExdbIMb; cấp bảo vệ IP55; kích thước đầu trục 12,7mm	máy có kèm theo 03 đầu tuýp; đầu vào vuông 1/2"; đầu ra lục giác S=24-30-36mm; L=120mm	Cái	6	
11	Máy nổi lưu hóa băng tải	Kích thước bàn nhiệt 400x400 điện áp sử dụng 660V		Bộ	1	
12	Van điện từ thủy lực	điện áp 24 V φ 21 thường đóng		Cái	6	
13	Phanh hãm (má phanh)	MPZ40020PD1002	Monoray khí nén MK P22	Cái	9	
14	Bộ chia hơi pa lăng khí nén	PO-2	Monoray khí nén MK P22	Bộ	9	
15	Bộ phanh khí nén đầu kéo	MK - 20		Bộ	9	
16	Bộ hộp số	MK - 200197 PD 3100		Bộ	9	
17	Bộ quay hành tinh	MK - 200197 PD 3200		Bộ	9	

TT	Tên vật tư	Danh điểm/ký mã hiệu/thông số kỹ thuật	Yêu cầu khác	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
18	Bộ Van điều khiển đầu kéo (Gồm cả vỏ bảo vệ)	MK - 20PD 0037		Bộ	9	
19	Má phanh đầu kéo	MK - 200197 PD 6101		Cái	9	
20	Động cơ pa lăng MK-P20 (chạy bằng bánh răng)	MZP3,2t/6t0218 PD 1000a		Cái	10	
21	Bộ Van điều khiển Pa lăng (Gồm cả vỏ bảo vệ)	MZP3,2t/6t1/8"		Bộ	9	
22	Bộ má phanh Pa lăng	MZP3,2t/6t0184 PD 1003+0207 PD 2100a		Bộ	9	
23	Tang tiếp điểm đảo chiều trong bộ điều khiển tàu điện 8 tấn ZBT-2x200/140	Có cam cặp tiếp điểm khóa điện	(Dùng cho điều khiển tàu hai ca bin)	Cái	3	
24	Tang tiếp điểm đảo chiều trong bộ điều khiển tàu điện 12 tấn ZBT-2x200/200	Có cam cặp tiếp điểm khóa điện		Cái	2	
25	Cánh quạt gió	QGL-22KW		Cái	2	
26	Mặt băng tải cao su bố thép	B1000xST1600, mặt băng dày 17mm, 79 sợi cáp thép F5, có 1 lớp sợi ngang chống xé dọc).	Có kiểm định chống lan cháy và kiểm định điện trở bề mặt tĩnh điện	Mét	100	
27	Dầu biến thế	PLC SUPERTRANS		Lít	630	
28	Dầu tuần hoàn OIL TECH CIRCULATORY OIL 100	ISO VG 100		Lít	1.098	
29	Dầu thủy lực nhũ hóa chống cháy	VHLUB NH		Lít	13.800	
30	Đầu bơm piston	- Model: JPE36, lưu lượng nước: 121 lít/phút, áp suất làm việc tối đa: 130bar		Cái	1	
31	A xít H2SO4	(tỷ trọng 1,8Kg/lít)		Kg	1.500	

9

TT	Tên vật tư	Danh điểm/ký mã hiệu/thông số kỹ thuật	Yêu cầu khác	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
32	Cảm biến áp suất khí nạp sau Turbor máy gạt CAT D6RII	224-4536		Cái	1	
33	Công tắc mát máy gạt CAT D6RII	7N-0718		Cái	1	
34	Rơ le trung gian đề ma giờ máy gạt CAT D6RII	117-9081		Cái	1	
35	Rơ le nguồn tổng máy gạt CAT D6RII	167-0138		Cái	1	
36	Cụm phanh rà động cơ xe Scania P310			Cái	2	
37	Rơ le đề ma giờ xe Hyundai HD 270 15T			Cái	1	
38	Chổi than đề ma zơ xe Hyundai HD 270 15T			Cái	6	
39	Mặt bích các đăng cầu giữa xe Hyundai HD 270 15T D6CC			Cái	2	
40	Trục sơ cấp cụm cài cầu xe Hyundai HD 270, 15T D6CC			Cái	1	
41	Bốt lái (Cơ cấu lái) số xe Hyundai HD 270 15T D6CC			Cụm	1	
42	Dầm cầu trước xe Hyundai HD 270, 15T D6CC			Cái	1	
43	Mâm phanh trước xe Hyundai HD 270, 15T D6CC			Cái	2	
44	Mâm phanh sau xe Hyundai HD 270, 15T D6CC			Cái	2	
45	Xéc măng máy ép hơi xe Hyundai HD 270 D6CC			Bộ	6	
46	Quạt tăng áp động cơ xe Hyundai HD270 15T; D6CC			Cái	2	
47	Máy phát điện xe Hyundai HD270 15T	24V-80A; 37300-93501		Cái	3	
48	Bi tê côn xe Hyundai HD 270, 15T D6CC			Cụm	3	



TT	Tên vật tư	Danh điểm/ký mã hiệu/thông số kỹ thuật	Yêu cầu khác	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
49	Lò xo+mặt bích bi tê côn xe Hyundai HD 270, 15T D6CC			Bộ	8	
50	Các đăng lai bơm ben xe Hyundai HD 270, 15T D6CC			Cây	3	
51	Mặt quy lát động cơ xe Kamaz 65115	740.30-1003010		Cái	3	
52	Bộ hơi động cơ xe Kamaz 6520	740.60-1000128		Bộ/Đc	1	
53	Máy nén khí xe Kamaz 6520	53205-3509015-20		Cái	2	
54	Mặt bích các đăng cầu giữa xe Kamaz 6520			Cái	2	
55	Lọc dầu máy xe ô tô nâng người ISUZU/CL5090JGK6DS	1012120-P301		Cái	2	
56	Lọc nhiên liệu tinh xe ô tô nâng người ISUZU/CL5090JGK6DS	1117030-EE54R		Cái	2	
57	Lọc tách nước nhiên liệu xe ô tô nâng người ISUZU/CL5090JGK6DS	1117211-EE54R		Cái	2	
58	Vòng bi	6204-ZZ		Vòng	20	
59	Vòng bi	6202-ZZ		Vòng	20	
60	Gioăng trong kim, kim phun nhiên liệu máy xúc Kawasaki 90Z5	6 (Cái/bộ)		Bộ	6	
61	Gioăng mặt quy lát động cơ Hino máy xúc Kawasaki 85Z5			Cái	2	
62	Xi lanh động cơ Hino máy xúc Kawasaki 85Z5	YP11462E0090		Cái	6	
63	Phốt đầu trục cơ máy xúc Kawasaki 85Z5	YPSZ31179002		Cái	2	

TT	Tên vật tư	Danh điểm/ký mã hiệu/thông số kỹ thuật	Yêu cầu khác	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
64	Phốt đuôi trục cơ máy xúc Kawasaki 85Z5	YPSZ31101051		Cái	2	
65	Xéc măng động cơ máy xúc Kawasaki 85Z5	YPS1304E0040		Bộ	6	
66	Bạc trục ắc gầu máy xúc Kawasaki 85Z5	Φ90xΦ105-100		Cái	8	
67	Tay biên động cơ kèm bu lông máy xúc Kawasaki 85Z5	YPS 13260E0100		Bộ	1	
68	Xéc măng ngoài pitston phanh moay ơ máy xúc Hyundai 210W-9S	ZGAQ-01287		Cái	4	
69	Phốt chắn dầu moay ơ máy xúc Hyundai 210W-9S	ZGAQ-03209		Cái	3	
70	Bộ chốt lò xo, hồi vị pitston phanh máy xúc Hyundai 210W-9S			Cái	3	
71	Phốt đầu trục các đăng lai cầu sau máy xúc Hyundai 210W-9S	ZGAQ-02303		Cái	1	
72	Lá ma sát phanh moay ơ máy xúc Hyundai 210W-9S	ZGAQ-022220		Tám	14	
73	Lá thép phanh moay ơ máy xúc Hyundai 210W-9S	ZGAQ-022221		Tám	4	
74	Cảm biến báo mức nước, lọc tách nước máy xúc Doosan 360LCA-7M	1119896S01		Cái	2	
75	Nước làm mát động cơ có phụ gia Caterpilla ELC, 18 (Lít/thùng)	365-8396		Thùng	5	
76	Căn vi sai cầu xe Scania P310	6 cái/bộ		Bộ	1	
77	Căn vi sai cầu xe Scania P310	6 cái/bộ		Bộ	1	
78	Các đăng cầu giữa xe Scania P310			Cái	1	

TT	Tên vật tư	Danh điểm/ký mã hiệu/thông số kỹ thuật	Yêu cầu khác	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
79	Các đăng cầu sau xe Scania P310			Cái	1	
80	Trục sơ cấp cụm cài cầu xe Scania P310			Cái	1	
81	Trục trung gian hộp số xe Scania P310			Cái	1	
82	Bót lái (Cơ cấu lái) số xe Scania P310			Cái	1	
83	Ruột cụm vi sai cầu xe Scania P310			Bộ	1	
84	Ruột cụm vi sai nối cầu xe Scania P310			Bộ	1	
85	Máy nén khí xe Scania P310	1796663		Bộ	1	
86	Bơm trợ lực lái xe cầu Hyundai MIGHTY EX8 GTL E160			Cái	2	
87	Cò mổ + bạc xu páp hút động cơ máy xúc Kawasaki 90Z5	YE4003912		Bộ	3	
88	Cò mổ + bạc xu páp hút động cơ máy xúc Kawasaki 90Z5	YE4003913		Bộ	3	
89	Cò mổ + bạc xu páp xả động cơ máy xúc Kawasaki 90Z5	YE4003914		Bộ	3	
90	Cò mổ + bạc xu páp xả động cơ máy xúc Kawasaki 90Z5	YE4003911		Bộ	3	
91	Con đội + bạc xu páp động cơ máy xúc Kawasaki 90Z5	YE3161475		Bộ	12	
92	Con đội + bạc ép vôi phun động cơ máy xúc Kawasaki 90Z5	YE3417645		Bộ	6	
93	Trục cam động cơ máy xúc Kawasaki 90Z5	YE4059893		Cái	1	
94	Phốt đầu trục cơ máy xúc Kawasaki 90Z5	4962745		Cái	2	

TT	Tên vật tư	Danh điểm/ký mã hiệu/thông số kỹ thuật	Yêu cầu khác	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
95	Phốt đuôi trục cơ máy xúc Kawasaki 90Z5	3883775		Cái	2	
96	Bạc palie Cos 1 máy xúc Kawasaki 90Z5	YE380320		Bộ/Đc	1	
97	Bạc biên Cos 1 máy xúc Kawasaki 90Z5	YE4025121		Bộ/Đc	1	
98	Xi lanh động cơ máy xúc Kawasaki 90Z5	YE3080760		Cái	6	
99	Đầu piston Cos 0 máy xúc Kawasaki 90Z5	YE3103753		Quả	6	
100	Thân piston Cos 0 máy xúc Kawasaki 90Z5	YE4070653		Cái	6	
101	Bạc trục cam máy xúc Kawasaki 90Z5	YE3820566		Cái	7	
102	Gioăng phốt nửa trên động cơ máy xúc Kawasaki 90Z5	4089478		Cái	1	
103	Gioăng phốt nửa dưới động cơ máy xúc Kawasaki 90Z5	40899998		Cái	1	
104	Bơm dầu bôi trơn máy xúc Kawasaki 90Z5	YE4003950		Cái	1	
105	Bạc đầu nhỏ tay biên máy xúc Kawasaki 90Z5	YE3896894		Cái	6	
106	Ắc pitston động cơ máy xúc Kawasaki 90Z5	YE4083244		Cái	6	
107	Căn dơ dọc trục cơ nửa trên máy xúc Kawasaki 90Z5	YE4023083		Cái	2	
108	Căn dơ dọc trục cơ nửa dưới máy xúc Kawasaki 90Z5	YE4023203		Cái	2	
109	Cò mổ+ bạc ép vòi phun động cơ máy xúc Kawasaki 90Z5	YE3069020		Bộ	6	
110	Chổi than đề ma gơ máy xúc Kawasaki 85Z5			Cái	8	

TT	Tên vật tư	Danh điểm/ký mã hiệu/thông số kỹ thuật	Yêu cầu khác	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
111	Đề ma giờ máy xúc Kawasaki 85Z5	28100-E0080		Cái	1	
112	Dung dịch xúc rửa hệ thống làm mát động cơ Caterpillar,	4C-4611/619-87123,7 (Lít/Can)		Can	6	

⑥

(Lô gô đơn vị nếu có)

Tên đơn vị báo giá

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Mã số thuế:.....

Tài khoản:.....ngân hàng:.....

....., ngày.....tháng.....năm 2026.

BÁO GIÁ HÀNG HÓA

Kính gửi: Công ty Cổ Phần Than Vàng Danh Vinacomin

Căn cứ vào Công văn số:/CV-TVD-VT ngày .../.../2026. Chúng tôi xin trân trọng gửi tới Công ty báo giá hàng hóa nội dung cụ thể như sau:

*** Tên vật tư hàng hóa, số lượng, giá cả.**

TT	Tên vật tư	Danh điểm/ ký mã hiệu/ thông số kỹ thuật	Yêu cầu khác	Xuất xứ/Nhà SX	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1								-
2								-
	Giá hàng hóa chưa có thuế GTGT							
	Thuế GTGT%							
	Tổng giá trị hàng hóa đã có thuế GTGT, phí giao hàng đến kho bên mua							

Tổng số tiền bằng chữ:

1. Địa điểm giao hàng: Tại kho Bên mua.
2. Chất lượng hàng hoá: Hàng mới 100% sản xuất năm.....
3. Thời gian, tiến độ giao hàng: Trong vòng ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực .
4. Thời gian bảo hành: tháng cho những lỗi của nhà sản xuất kể từ ngày giao hàng.
5. Thanh toán: 100% giá trị thực hiện hợp đồng trong vòng 90 ngày kể từ ngày có đầy đủ thủ tục thanh toán theo quy định.
6. Hiệu lực của chào giá: Trong vòng ngày kể từ ngày ký báo giá./
7. Các nội dung cần thiết khác:.....

Mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty.

ĐẠI DIỆN NHÀ CUNG CẤP

(Ký tên, đóng dấu)